

Số: 598 /ĐA-BVĐKPY

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 5 năm 2026

ĐỀ ÁN

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III
và tương đương năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Phú Yên

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN, SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ NHU CẦU XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚ YÊN

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Thực trạng cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tại Bệnh viện

- Số lượng biên chế viên chức được Bệnh viện phê duyệt năm 2026 (hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị sự nghiệp): 1329 người; Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách giao năm 2026 cho Trung tâm Chăm sóc sức khỏe cán bộ thuộc Bệnh viện Đa khoa Phú Yên: 27 người.

- Số lượng viên chức hiện có tại Bệnh viện: 728 người; Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ thuộc Bệnh viện Đa khoa Phú Yên: 16 người.

- Thực trạng cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tại Bệnh viện (không bao gồm viên chức đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý) như sau:

- + Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: 00, tỷ lệ 00 %.
- + Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: 02, tỷ lệ: 0,3 %.
- + Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương: 284, tỷ lệ: 42,9 %.
- + Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương: 376, tỷ lệ: 56,8 %.
- + Chức danh nghề nghiệp hạng V và tương đương: 00, tỷ lệ: 0,0 %.

- Thực trạng cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ thuộc Bệnh viện Đa khoa Phú Yên (không bao gồm viên chức đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý) như sau:

- + Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: 00, tỷ lệ 00 %.
- + Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: 00, tỷ lệ: 00 %.
- + Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương: 10, tỷ lệ: 71,4 %.
- + Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương: 4, tỷ lệ: 28,6 %.
- + Chức danh nghề nghiệp hạng V và tương đương: 00, tỷ lệ: 0,0 %.

(chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Tại Quyết định số 348/QĐ-BVĐKPY ngày 24/3/2026 của Bệnh viện Đa khoa Phú Yên về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Bệnh viện Đa khoa Phú Yên (không bao gồm viên chức đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý) như sau:

- + Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: Tối đa 20%;
- + Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Tối đa 50 %;
- + Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống (nếu có): Số lượng còn lại.

Tại Quyết định số 386/QĐ-BVĐKPY ngày 31/3/2026 của Bệnh viện Đa khoa Phú Yên về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm bảo vệ sức khỏe thuộc Bệnh viện đa khoa Phú Yên (không bao gồm viên chức đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý) như sau:

- + Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: Tối đa 10 %;
- + Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Tối đa 50 %;
- + Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống (nếu có): Số lượng còn lại.

Đối chiếu với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt cho thấy đội ngũ viên chức của Bệnh viện hiện nay chủ yếu tập trung ở các chức danh nghề nghiệp hạng IV (chiếm 56,8%), trong khi chưa có viên chức được bổ nhiệm giữ chức danh nghề nghiệp hạng I và số lượng viên chức hạng II chỉ chiếm 0,3%. Tương tự, tại Trung tâm bảo vệ sức khỏe cán bộ thuộc Bệnh viện đa khoa Phú Yên chưa có viên chức được bổ nhiệm giữ chức danh nghề nghiệp hạng I và hạng II. Cơ cấu này chưa thực sự phù hợp với định hướng phát triển nguồn nhân lực và yêu cầu nâng cao chất lượng chuyên môn của đơn vị trong giai đoạn hiện nay.

Bên cạnh đó, nhiều viên chức đã đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, thời gian giữ hạng và vị trí việc làm theo quy định để được xem xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Tuy nhiên, việc chưa được thăng hạng kịp thời đã ảnh hưởng nhất định đến việc phát huy năng lực chuyên môn, động lực phấn đấu và lộ trình phát triển nghề nghiệp của viên chức.

Do đó, việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III và tương đương trong năm 2026 là hết sức cần thiết và phù hợp với tình hình thực tiễn của Bệnh viện. Việc thăng hạng không chỉ nhằm từng bước điều chỉnh cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo đúng Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, mà còn góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, tăng cường năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và

chất lượng khám bệnh, chữa bệnh cho Nhân dân.

Đồng thời, việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp còn là cơ sở để thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với viên chức theo quy định; tạo động lực khuyến khích viên chức học tập, bồi dưỡng, rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ; góp phần ổn định tư tưởng, giữ chân nguồn nhân lực có chất lượng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Bệnh viện và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nội vụ ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

- Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 06/2024/TT-BNV ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư liên tịch số 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư 37/2025/TTBKHCN ngày 28/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa

học và Công nghệ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh khoa học, chức danh công nghệ; thành tích, kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để xét bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác

- Thông tư liên tịch số 11/2024/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHCN-BNV ngày 11/01/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

- Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ; Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành Công nghệ thông tin, an toàn thông tin; Số: Thông tư số 12/2024/TT-BTTTT ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của bộ tài chính;

- Quyết định số 20/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp quản lý công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

- Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa Phú Yên;

- Căn cứ Quyết định số 02629/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập mới trực thuộc Sở Y tế sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Công văn số 0169/SYT-TCCB ngày 10/01/2026 của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk về việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng

M
g

III và tương đương năm 2026;

- Công văn số 119/BVĐKPY ngày 16/4/2026 của Bệnh viện Đa khoa Phú Yên về việc đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III và tương đương năm 2026;

- Quyết định số 348/QĐ-BVĐKPY ngày 24/3/2026 của Bệnh viện Đa khoa Phú Yên về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Bệnh viện Đa khoa Phú Yên.

- Quyết định số 386/QĐ-BVĐKPY ngày 31/3/2026 của Bệnh viện Đa khoa Phú Yên về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Bảo vệ sức khỏe thuộc Bệnh viện.

III. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ

TT	Chức danh nghề nghiệp viên chức	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có (không bao gồm viên chức đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý)					
		Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng V
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Bệnh viện Đa khoa Phú Yên		<u>662</u>	<u>0</u>	<u>2</u>	<u>284</u>	<u>376</u>	<u>0</u>
I	Chuyên ngành y tế	622		2	258	362	
1	Bác sĩ	150		2	148		
2	Bác sĩ Y học dự phòng	3			3		
3	Dược	34			16	18	
4	Điều dưỡng	370			79	291	
5	Kỹ thuật y	65			12	53	
II	Chuyên ngành công tác xã hội	1				1	
III	Chuyên ngành Hành chính	5		0	5		
IV	Chuyên ngành công nghệ	8			3	5	
V	Chuyên ngành Kế toán	19			12	7	
VI	Chuyên ngành Văn thư	1			1		
VII	Chuyên ngành Công nghệ thông tin	6			5	1	

TT	Chức danh nghề nghiệp viên chức	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có (không bao gồm viên chức đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý)					
		Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng V
Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ		<u>14</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>10</u>	<u>4</u>	<u>0</u>
I	Chuyên ngành y tế	12	0	0	8	4	0
1	Bác sĩ	5		0	5		
2	Bác sĩ Y học dự phòng	0					
3	Dược	2				2	
4	Điều dưỡng	3			2	1	
5	Kỹ thuật y	2			1	1	
II	Chuyên ngành công tác xã hội	0					
III	Chuyên ngành Hành chính	0					
IV	Chuyên ngành công nghệ	0					
V	Chuyên ngành Kế toán	1			1		
VI	Chuyên ngành Văn thư	0					
VII	Chuyên ngành Công nghệ thông tin	1			1		
Tổng cộng:		676	0	2	294	380	

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

IV. NHU CẦU XÉT THĂNG HẠNG TỪ CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HẠNG IV LÊN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HẠNG III VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2026

TT	Các chức danh đề nghị thăng hạng	Mã số chức danh nghề nghiệp	Chỉ tiêu đề nghị thăng hạng
I	Bệnh viện Đa khoa Phú Yên		
1	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	02

TT	Các chức danh đề nghị thăng hạng	Mã số chức danh nghề nghiệp	Chỉ tiêu đề nghị thăng hạng
2	Điều dưỡng (hạng III)	V.08.05.12	86
3	Kỹ thuật y (hạng III)	V.08.07.18	26
4	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	01
5	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	04
II	Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ		
1	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	01
Tổng số			120

V. DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2026

(Chi tiết tại phụ lục 02 đính kèm)

VI. NGUYÊN TẮC XÉT THĂNG HẠNG

1. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Viên chức được đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

Phần thứ hai

NỘI DUNG XÉT THĂNG HẠNG

I. ĐỐI TƯỢNG DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Đối tượng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ viên chức hạng IV lên hạng III và tương đương năm 2026 bao gồm: viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV có đủ tiêu chuẩn, điều kiện tại Bệnh viện Đa khoa Phú Yên.

2. Các trường hợp sau đây không thuộc đối tượng đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

- Viên chức đang trong thời gian thực hiện chế độ tập sự; viên chức không

đủ tiêu chuẩn, điều kiện được nêu tại khoản 1, khoản 2 mục II phần thứ hai của Đề án này.

- Viên chức đang trong thời hạn bị xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức.

II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN VÀ HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG

1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung

- Đang giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương. Có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí việc làm phù hợp với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thăng hạng (hạng III) và tương đương.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng. Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định 115/2020/NĐ-CP thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Đối với trường hợp viên chức đang xếp ở hạng CDNN mà hạng CDNN này không còn theo quy định của pháp luật hiện hành thì được xét thăng lên hạng CDNN cao hơn liền kề với hạng CDNN hiện giữ nếu đang công tác ở VTVL phù hợp và đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và được hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Mục III Công văn số 1657/SNV-CCVC ngày 06/8/2024 của Sở Nội vụ).

2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể

2.1. Viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ được hạng IV lên được sĩ (hạng III) mã số V.08.08.22

- Đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện chung được nêu tại khoản 1 mục II

phần thứ hai của Đề án này.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp dược sĩ (hạng III).

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược sĩ (hạng III) quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV và Thông tư số 03/2022/TT-BYT.

- Phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp dược hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh dược hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.2. Viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Điều dưỡng (hạng IV) lên Điều dưỡng (hạng III) mã số V.08.05.12

- Đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện chung được nêu tại khoản 1 mục II phần thứ hai của Đề án này.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng III.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng III quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

- Phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh điều dưỡng hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.3. Viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Kỹ thuật y (hạng IV) lên Kỹ thuật y (hạng III) mã số V.08.07.18

- Đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện chung được nêu tại khoản 1 mục II phần thứ hai của Đề án này.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hạng III.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y (hạng III) quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

- Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y (hạng IV) lên chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y (hạng III) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y (hạng IV) và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh Kỹ thuật y (hạng IV) tính đến ngày hết

thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.4. Viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kỹ thuật viên (hạng IV) lên kỹ sư (hạng III) mã số V.05.02.07

- Đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện chung được nêu tại khoản 1 mục II phần thứ hai của Đề án này.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp kỹ sư (hạng III).

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ sư (hạng III) quy định tại Thông tư 37/2025/TTBKHCN ngày 28/11/2025.

- Phải có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương, phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng cộng dồn) giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.5. Viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên trung cấp (hạng IV) lên kế toán viên (hạng III) mã số V. 06.031

- Đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện chung được nêu tại khoản 1 mục II phần thứ hai của Đề án này.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp kế toán viên (hạng III).

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán viên (hạng III) quy định tại Thông tư số 29/2022/TT-BTC và Thông tư số 66/2024/TT-BTC.

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) trong đó có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Nội dung

Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III và tương đương.

2. Hình thức

Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III và tương đương được thực hiện bằng hình thức thẩm định hồ sơ.

IV. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, được Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Phú Yên công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

2. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;
- b) Viên chức là nữ;
- c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

3. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

4. Không bảo lưu kết quả các kỳ thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ được sửa đổi tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP); bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định (về trình độ đào tạo; tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; đánh giá xếp loại chất lượng năm gần nhất với năm đăng ký xét thăng hạng);

- Văn bản của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý viên chức về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm liền kề với năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Phiếu đánh giá xếp loại chất lượng viên chức, Quyết định hoặc Thông báo kết quả xếp loại chất lượng viên chức của đơn vị);

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh

nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bản, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

- Bản sao các Quyết định liên quan của cá nhân, gồm: Quyết định tuyển dụng viên chức, quyết định hết thời gian tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp lần đầu, các quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp khác và quyết định nâng lương trong toàn bộ quá trình công tác;

- Các minh chứng khác theo tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành.

VI. HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG

1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Phú Yên thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Bệnh viện;
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Bệnh viện;
- Các Ủy viên Hội đồng: người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

2. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết. Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

b) Thành lập các bộ phận giúp việc theo quy định;

c) Tổ chức thu phí xét thăng hạng và sử dụng theo quy định;

d) Tổ chức xét hồ sơ thăng hạng theo quy chế;

đ) Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, trình cấp có thẩm quyền công nhận theo quy định;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

g) Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được sử dụng con dấu, tài khoản của Bệnh viện Đa khoa Phú Yên trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng do Giám đốc Bệnh viện quyết định;

h) Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

VII. DỰ KIẾN THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM XÉT THĂNG HẠNG

Thời gian, địa điểm tổ chức xét thăng hạng (sẽ thông báo cụ thể sau khi Đề án được phê duyệt).

1. Thời gian: Dự kiến Quý II/2026, Quý III/2026

2. Địa điểm: Dự kiến tổ chức xét tại Bệnh viện Đa khoa Phú Yên.

Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Phòng Tổ chức - Hành chính, Bệnh viện Đa khoa Phú Yên (15 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk). Điện thoại liên hệ: 0257.3823219.

VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí tổ chức kỳ xét thăng hạng được thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

2. Trong trường hợp thu lệ phí của người dự xét thăng hạng phục vụ cho công tác thăng hạng không đủ, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính - kế toán, Bệnh viện Đa khoa Phú Yên lập dự toán kinh phí bổ sung trình Giám đốc Bệnh viện xem xét, quyết định bổ sung để phục vụ cho công tác thăng hạng.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo Bệnh viện Đa khoa Phú Yên

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Bệnh viện Đa khoa Phú Yên, Giám đốc Bệnh viện xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ viên chức hạng IV lên hạng III và tương đương năm 2026; thành lập Hội đồng xét thăng hạng, Ban Giám sát; Ban Thẩm định hồ sơ; công nhận kết quả xét thăng hạng và thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức được thăng hạng theo quy định.

Báo cáo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ viên chức hạng IV lên hạng III và tương đương năm 2026 cho Sở Y tế để theo dõi, tổng hợp chung.

2. Phòng Tổ chức - Hành chính

- Phòng Tổ chức - Hành chính là bộ phận thường trực của Hội đồng xét

thăng hạng IV lên hạng III và tương đương năm 2026, tham mưu cho Hội đồng xét thăng hạng thực hiện theo kế hoạch.

- Tham mưu cho Giám đốc Bệnh viện thành lập Hội đồng, Ban Thẩm định hồ sơ, Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Thông báo Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đến các khoa/phòng/trung tâm trong toàn viện sau khi Đề án được Sở Y tế phê duyệt. Niêm yết công khai các Kế hoạch, Thông báo liên quan đến kỳ xét thăng hạng tại trụ sở làm việc (nơi thuận tiện).

- Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ của người dự xét thăng hạng đảm bảo đúng điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng theo quy định. Lập danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự xét thăng hạng, không đủ điều kiện dự xét thăng hạng kèm theo hồ sơ báo cáo Hội đồng theo đúng thời gian quy định.

- Căn cứ vào đề án vị trí việc làm, thực trạng và nhu cầu của các đơn vị, đối chiếu tiêu chuẩn, điều kiện quy định, hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức việc thẩm định hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của các đơn vị đề nghị xét thăng hạng, đảm bảo đúng đối tượng, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo đúng quy định.

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, quản lý, thực hiện chế độ chính sách đối với những viên chức được thăng hạng trong đợt xét thăng hạng từ viên chức hạng IV lên hạng III tương đương theo quy định.

- Phối hợp với các khoa/phòng có liên quan cử viên chức, người lao động để thực hiện nhiệm vụ và chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện cần thiết để tổ chức tốt kỳ xét thăng hạng viên chức và chuẩn bị các nhiệm vụ khác (nếu có).

- Thực hiện trình tự, thủ tục, thẩm quyền cử viên chức dự xét thăng hạng theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Lưu giữ và quản lý hồ sơ đăng ký của người dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Lưu trữ tài liệu, giải quyết và tham mưu giải quyết các khiếu nại, tố cáo về các nội dung liên quan đến kỳ xét thăng hạng theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nội dung liên quan khác theo sự phân công của Giám đốc Bệnh viện và Hội đồng xét thăng hạng.

- Niêm yết công khai các Kế hoạch, Thông báo liên quan đến kỳ xét thăng hạng tại Bệnh viện phối hợp với Phòng Kế hoạch tổng hợp - Chỉ đạo tuyến - Quản lý chất lượng đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bệnh viện để các viên chức dự xét thăng hạng được biết.

3. Phòng Kế hoạch tổng hợp - Chỉ đạo tuyến - Quản lý chất lượng

- Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bệnh viện để các viên chức dự xét thăng hạng được biết. Có trách nhiệm đăng tin, đưa tin về các nội dung có liên quan đến công tác xét thăng hạng theo yêu cầu của Hội đồng xét thăng hạng

theo đúng quy định.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, cử người phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính Bệnh viện và các khoa/phòng tham gia giúp việc cho Hội đồng theo đúng kế hoạch và đúng quy định của pháp luật; các nhiệm vụ khác (nếu có) theo yêu cầu của Giám đốc Bệnh viện và Hội đồng xét thăng hạng.

4. Phòng Tài chính Kế toán

- Có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thu lệ phí của viên chức xét thăng hạng; sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

- Trường hợp kinh phí không đủ để chi, Phòng Tài chính Kế toán có trách nhiệm phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính tổng hợp, báo cáo trình Giám đốc Bệnh viện phê duyệt bổ sung kinh phí theo quy định.

- Thực hiện các nội dung liên quan khác theo sự phân công của Giám đốc Bệnh viện và Hội đồng xét thăng hạng.

5. Ban thanh tra nhân dân Bệnh viện

- Cử viên chức tham gia Ban Giám sát; phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính Bệnh viện giải quyết và tham mưu giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác xét thăng hạng theo thẩm quyền.

- Thực hiện các nội dung liên quan khác theo sự phân công của Giám đốc Bệnh viện và Hội đồng xét thăng hạng.

6. Các khoa/phòng/trung tâm có viên chức dự xét thăng hạng

- Triển khai Đề án này đến toàn thể đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý để viên chức biết đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; niêm yết công khai Đề án tại phòng làm việc để viên chức được biết.

- Rà soát vị trí việc làm, tổ chức sơ tuyển và cử viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Bệnh viện và trước Pháp luật về điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức được cử tham dự xét thăng hạng.

- Tổng hợp danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ xét thăng hạng. Văn bản, danh sách tổng hợp và hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức gửi về phòng Tổ chức - Hành chính, Bệnh viện Đa khoa Phú Yên theo thời gian quy định.

- Phối hợp với Bệnh viện và các khoa/phòng/trung tâm có liên quan trong công tác tổ chức xét thăng hạng, tạo điều kiện cho viên chức tham gia dự xét thăng hạng. Tham gia các Ban của Hội đồng xét thăng hạng theo đúng kế hoạch và đúng quy định của pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có) theo yêu cầu của Hội đồng.

8. Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng

Viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định có quyền đăng kí dự

xét thăng hạng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự xét.

Trên đây là Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III và tương đương năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Phú Yên năm 2026./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c);
- Sở Y tế (b/c);
- Giám đốc, các PGĐ BV (để biết);
- Các khoa/phòng/trung tâm (th/h);
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC



Trần Anh Dũng

PHỤ LỤC 01

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
HIỆN CÓ VÀ NHU CẦU BỐ TRÍ THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM

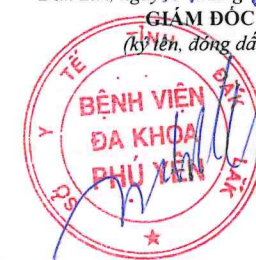
(Kèm theo Đề án số 598 /ĐA-BVĐKPY ngày 11 / 5 /2026 của Bệnh viện Đa khoa Phú Yên)

TT	Tên chức danh nghề nghiệp viên chức	Số lượng người làm việc năm 2026	Số lượng hiện có						Nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm						Số lượng chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp					Ghi chú	
			Tổng số	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Tổng số	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Tổng số	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV		Chức danh nghề nghiệp hạng V
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
I	Bệnh viện Đa khoa Phú Yên	1329	728	0	23	326	379	0	1329	10	63	694	562	0	119	0	0	119	0	0	
1	Viên chức quản lý	101	66	0	21	42	3	0	101	0	22	79	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.1	Giám đốc Bệnh viện	1	1		1				1		1			0	0						
1.2	Phó Giám đốc Bệnh viện	3	3		3				3		3			0	0						
1.3	Trưởng phòng Bệnh viện	5	3		1	2			5		1	4		0	0						
1.4	Trưởng khoa Bệnh viện	27	17		12	5			26		12	14		0	0						
1.5	Phó Trưởng phòng Bệnh viện	10	8			7	1		11			11		0	0						
1.6	Phó Trưởng khoa Bệnh viện	29	10		4	6			29		5	24		0	0						
1.7	Điều dưỡng trưởng	20	19			17	2		20			20		0	0						
1.8	Kỹ thuật y trưởng	6	5			5			6			6		0	0						
2	Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	1228	662	0	2	284	376	0	1228	10	41	615	562	0	119	0	0	119	0	0	
2,1	Bác sĩ	254	153		2	151			254	10	32	212		0							
2,2	Dược	63	34			16	18		63		2	29	32	2				2			
2,3	Điều dưỡng	547	370			79	291		547		5	170	372	86				86			
2,4	Kỹ thuật y	171	65			12	53		171		2	70	99	26				26			
2,5	Chuyên ngành Công tác xã hội	16	1				1		16			7	9	0							
2,6	Chuyên ngành Hành chính	66	5			5			66			66		0							
2,7	Chuyên ngành Kế toán	47	18			11	7		47			25	22	4				4			
2,8	Chuyên ngành Văn thư	2	1			1			2			2		0							
2,9	Chuyên ngành Công nghệ thông tin	25	6			5	1		25			15	10	0							
2,10	Chuyên ngành thú y	1	1			1			1			1		0							
2,11	Chuyên ngành công nghệ	24	8			3	5		24			11	13	1				1			
2,12	Dinh dưỡng	9							9			4	5	0							
2,13	Chuyên ngành Lưu trữ	3	0						3			3		0							
II	Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ	27	16	0	1	11	4	0	27	0	1	21	5	0	0	0	0	0	0	0	
1	Viên chức quản lý	8	2	0	1	1	0	0	8	0	1	7	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.1	Giám đốc Trung tâm	1	1	0	1	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.2	Phó Giám đốc Trung tâm	1	1	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	

TT	Tên chức danh nghề nghiệp viên chức	Số lượng người làm việc năm 2026	Số lượng hiện có					Nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm					Số lượng chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp					Ghi chú			
			Tổng số	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Tổng số	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Tổng số	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II		Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1,3	Trưởng khoa	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	
1,4	Phó Trưởng khoa	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	
1,5	Điều dưỡng trưởng	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	19	14	0	0	10	4	0	19	0	0	14	5	0	1	0	0	1	0	0	
2,1	Bác sĩ	5	5	0	0	5	0	0	5	0	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	
2,2	Dược	2	2	0	0	0	2	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
2,3	Điều dưỡng	7	3	0	0	2	1	0	7	0	0	6	1	0	1	0	0	1	0	0	
2,4	Kỹ thuật y	3	2	0	0	1	1	0	3	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0	0	
2,5	Chuyên ngành Kế toán	1	1	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	
2,6	Chuyên ngành Công nghệ thông tin	1	1	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 6 năm 2026

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)



Trần Anh Dũng

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG
CHỨC DANH NGHIỆP NGHIỆP VIÊN CHỨC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2026**

(Kèm theo Đề án số: 598 /ĐA-BVĐKPY, ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Phú Yên)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Khoa, phòng, tt đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình nghiên cứu khoa học	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025	Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ BD CDNN)	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ/giấy phép hành nghề)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Điều dưỡng hạng III - Mã số: V.08.05.12																		
1	Bùi Thị Thu Điểm	20.01.1989		x	Điều dưỡng trưởng khoa	Khoa Cấp Cứu	12 năm 10 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	V.08.05.12	Có Quyết định Sở Y tế cử đi học
2	Nguyễn Thị Mỹ Linh	12.6.1989		x	Điều dưỡng trưởng khoa	Ngoại Thân kinh	12 năm 10 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin A	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	GPHN	x	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	V.08.05.12	Có Quyết định Sở Y tế cử đi học
3	Lương Văn Thảo	12.08.1989	x		Nhân viên	Khoa Gây mê hồi sức	12 năm 10 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin A	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	Có Quyết định Sở Y tế cử đi học
4	Phạm Thị Thùy Phương	27.04.1990		x	Nhân viên	Phòng Điều dưỡng-	7 năm 11 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	GPHN	x	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
5	Nguyễn Thị Thu Ái	17.07.1987		x	Nhân viên	Khoa Lao-Bệnh phổi	13 năm 4 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
6	Huỳnh Thị Anh Nhi	08.09.1994		x	Nhân viên	Khoa HSTC-CD	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN	x	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
7	Trần Thị Thủy Tiên	16.04.1993		x	Nhân viên	Khoa Chấn thương Chỉnh hình-Bóng	7 năm 11 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN	x	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
8	Trương Thị Trúc Ly	12.03.1995		x	Nhân viên	Khoa HSTC-CD	7 năm 11 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN	x	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Khoa, phòng, tt đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình nghiên cứu khoa học	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025	Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ BD CDNN)	Trình độ quản lý (Chứng chỉ/giấy phép hành nghề)				
9	Nguyễn Thị Bích Nhi	01.05.1997		x	Nhân viên	Khoa Gây mê hồi sức	6 năm 0 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN	x	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	V.08.05.12	
10	Võ Thị Bích Hiền	01.11.1983		x	Nhân viên	Khoa HSTC-CD	17 năm 5 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
11	Nguyễn Thị Mộng Thi	05.06.1982		x	Nhân viên	Khoa Tai mũi họng	16 năm 1 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
12	Huỳnh Thị Thúy	10.06.1984		x	Nhân viên	Ngoại Tổng Hợp	17 năm 5 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
13	Nguyễn Thị Kim Lan	18.02.1987		x	Nhân viên	Khoa HSTC-CD	14 năm 3 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
14	Nguyễn Thị Hưng	02.06.1987		x	Nhân viên	Khoa Nội Tổng Hợp	13 năm 4 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
15	Trần Thị Cẩm Nhung	14.03.1991		x	Nhân viên	Khoa Gây mê hồi sức	7 năm 11 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
16	Trần Thị Lam Sa	05/08/1993		x	Nhân viên	Khoa Gây mê hồi sức	7 năm 11 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯDCNT TCB	Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt	V.08.05.12	
17	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	06.03.1995		x	Nhân viên	Khoa HSTC-CD	7 năm 11 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
18	Nguyễn Thị Thu Vân	15.10.1980		x	Nhân viên	Khoa Gây mê hồi sức	14 năm 3 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
19	Lê Thị Bích Liên	08.01.1982		x	Nhân viên	Khoa Gây mê hồi sức	19 năm 3 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
20	Bùi Thị Hồng Thắm	06.06.1982		x	Nhân viên	Khoa Gây mê hồi sức	17 năm 5 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
21	Lê Thùy Lê	20.09.1982		x	Nhân viên	Nội Tim Mạch - Lão Học	17 năm 5 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
22	Đinh Thị Sương	25.10.1983		x	Nhân viên	Khoa HSTC-CD	19 năm 3 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Anh C	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Khoa, phòng, tt đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình nghiên cứu khoa học	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025	Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ BD CDNN)	Trình độ quản lý (Chứng chỉ/giấy phép hành nghề)				
23	Lê Thị Bích Thoa	14.12.1983		x	Nhân viên	Nội TK-NT	17 năm 5 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
24	Nguyễn Thị Thanh Học	10.03.1985		x	Nhân viên	Khoa Mắt	13 năm 4 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
25	Võ Thị Ánh Tuyết	09.06.1985		x	Nhân viên	Khoa Ngoại Tiết Niệu	13 năm 10 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
26	Lê Thùy Loan	21.08.1985		x	Nhân viên	Khoa Nội Tổng Hợp	17 năm 5 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
27	Biện Thị Kim Thoa	02.01.1986		x	Nhân viên	Khoa Răng Hàm Mặt	17 năm 5 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
28	Phạm Thị Ngọc Thu	26.05.1989		x	Nhân viên	Khoa Nội Tổng Hợp	13 năm 4 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
29	Phạm Thị Như Ngọc	11.11.1989		x	Nhân viên	Khoa HSTC-CD	6 năm 9 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin A	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
30	Nguyễn Thị Thúy Vân	20.03.1990		x	Nhân viên	Khoa Nội Tổng Hợp	13 năm 4 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
31	Nguyễn Phạm Tuyết Trinh	20.12.1992		x	Nhân viên	Phòng TCHC	7 năm 11 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	GPHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
32	Nguyễn Thị Mai	02.02.1993		x	Nhân viên	Nội Tim Mạch - Lão Học	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
33	Tạ Thị Thoa	18.12.1993		x	Nhân viên	Khoa Ung Bướu	7 năm 11 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	GPHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
34	Lê Thị Mỹ Yên	01.08.1994		x	Nhân viên	Khoa Lao-Bệnh phổi	7 năm 11 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	15.08.1994		x	Nhân viên	Khoa Mắt	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Khoa, phòng, tt đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình nghiên cứu khoa học	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025	Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ BD CDNN)	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ/giấy phép hành nghề)				
36	Nguyễn Thị Diệu	10.09.1994		x	Nhân viên	Khoa Cấp Cứu	7 năm 11 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
37	Nguyễn Thị Vàng	24.11.1994		x	Nhân viên	Khoa Khám Bệnh	7 năm 11 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
38	Đặng Thị Ngọc Hiền	20.01.1995		x	Nhân viên	Ngoại Tổng Hợp	6 năm 0 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
39	Cao Thị Lệ Thứ	08.02.1995		x	Nhân viên	Khoa KSNK-DD	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
40	Lê Thị Lam Ny	20.08.1996		x	Nhân viên	Nội Tim Mạch - Lão Học	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
41	Từ Thị Thích	14.12.1996		x	Nhân viên	Khoa Nội Tổng Hợp	6 năm 0 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	GPHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
42	Đỗ Phó Bằng	20.11.1987	x		Nhân viên	Khoa Y học cổ truyền	4 năm 3 tháng	2,41	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
43	Nguyễn Đình Phát	02.09.1988	x		Nhân viên	Khoa Chân thương Chính hình-Bóng	6 năm 9 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin A	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
44	Nguyễn Anh Hào	22.03.1995	x		Nhân viên	Ngoại Thần kinh	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	CC CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	GPHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
45	Trần Hà Phan	06.11.1995	x		Nhân viên	Khoa HSTC-CĐ	6 năm 0 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
46	Lê Thị Hoài Hương	12.10.1978		x	Nhân viên	Khoa Khám Bệnh	6 năm 9 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
47	Đỗ Thị Hường	14.07.1983		x	Nhân viên	Khoa KSNK-DD	19 năm 3 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin A	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
48	Nguyễn Thị Trúc Ly	25.08.1983		x	Nhân viên	Khoa Nội Tổng Hợp	6 năm 3 tháng	2,41	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin A	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Khoa, phòng, tt đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình nghiên cứu khoa học	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025	Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ BD CDNN)	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ/giấy phép hành nghề)				
49	Lê Thị Minh Phương	30.04.1987		x	Nhân viên	Khoa Cấp Cứu	13 năm 4 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
50	Nguyễn Thị Kim Loan	22.08.1987		x	Nhân viên	Khoa Cấp Cứu	13 năm 4 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin A	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
51	Mạnh Thị Thu Thủy	08.03.1988		x	Nhân viên	Khoa Nội Tổng Hợp	13 năm 4 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	V.08.05.12	
52	Nguyễn Thị Thanh Thủy	02.05.1988		x	Nhân viên	Khoa HSTC-CD	7 năm 11 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
53	Lưu Thị Thanh Huyền	25.09.1988		x	Nhân viên	Khoa Ngoại Tiết Niệu	13 năm 11 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
54	Nguyễn Thị Lệ Huy	20.10.1989		x	Nhân viên	Nội TK-NT	6 năm 3 tháng	2,41	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin A	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
55	Võ Thị Kim Hoài	29.03.1990		x	Nhân viên	Khoa Chấn thương Chính hình-Bông	13 năm 4 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
56	Lê Thị Khánh Trang	16.03.1992		x	Nhân viên	Khoa Lao-Bệnh phổi	6 năm 3 tháng	2,41	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh A	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
57	Lê Thị Thu Ngân	26.10.1992		x	Nhân viên	Khoa Nội Tổng Hợp	7 năm 11 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
58	Nguyễn Thị Hồng Vân	25.12.1992		x	Nhân viên	Khoa Khám Bệnh	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
59	Nguyễn Thị Kim Ngân	20.07.1993		x	Nhân viên	Khoa Cấp Cứu	6 năm 3 tháng	2,41	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin A	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
60	Phạm Thị Kiều Oanh	05.11.1993		x	Nhân viên	Khoa Khám Bệnh	7 năm 11 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
61	Phạm Thị Tuyết Nga	01.12.1993		x	Nhân viên	Khoa Răng Hàm Mặt	6 năm 9 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Khoa, phòng, tt đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình nghiên cứu khoa học	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025	Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ BD CDNN)	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ/giấy phép hành nghề)				
62	Phạm Thị Hồng Loan	19.04.1994		x	Nhân viên	Khoa Ngoại Tiết Niệu	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
63	Nguyễn Lê Phương Uyên	01.01.1995		x	Nhân viên	Nội TK-NT	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
64	Phan Thị Quỳnh Như	17.01.1995		x	Nhân viên	Khoa Nội Tổng Hợp	6 năm 0 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Chứng chỉ tiếng Anh A	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
65	Đặng Thị Kim Phượng	11.03.1995		x	Nhân viên	Khoa Nội Tổng Hợp	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
66	Trương Thị Trà My	12.03.1995		x	Nhân viên	Nội Tim Mạch - Lão Học	6 năm 3 tháng	2,41	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
67	Tăng Thị Mỹ Nga	25.04.1995		x	Nhân viên	Khoa Nội Tổng Hợp	6 năm 3 tháng	2,41	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin A	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
68	Cao Khánh Linh	25.08.1995		x	Nhân viên	Khoa BND	7 năm 11 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
69	Nguyễn Thị Minh Quý	20.09.1995		x	Nhân viên	Khoa Ung Bướu	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
70	Nguyễn Thị Bích Dân	11.03.1996		x	Nhân viên	Nội Tim Mạch - Lão Học	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Chứng nhận tiếng anh Bậc 1	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
71	Nguyễn Thị Thúy Hằng	10.08.1996		x	Nhân viên	Nội Tim Mạch - Lão Học	6 năm 0 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
72	Lương Thị Hồng Diễm	02.09.1996		x	Nhân viên	Nội TK-NT	6 năm 0 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
73	Ma Thị Thu Huyền	02.10.1996		x	Nhân viên	Khoa HSTC-CD	6 năm 0 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
74	Đoàn Thị Như Ngọc	05.10.1996		x	Nhân viên	Khoa Lao-Bệnh phổi	6 năm 0 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	GPHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
75	Dương Thị Thu Hà	07.10.1996		x	Nhân viên	Khoa Cấp Cứu	6 năm 3 tháng	2,41	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
76	Nguyễn Thị Trâm	22.10.1996		x	Nhân viên	Khoa Cấp Cứu	6 năm 0 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
77	Đình Thị Hương	16.07.1997		x	Nhân viên	Nội TK-NT	6 năm 0 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	

3

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Khoa, phòng, tt đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình nghiên cứu khoa học	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025	Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ BD CDNN)	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ/giấy phép hành nghề)				
78	Trần Thị Thu Trinh	21.12.1997		x	Nhân viên	Phòng TCHC	4 năm 3 tháng	2,41	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	GPHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
79	Nguyễn Thành Đức	14.06.1990	x		Nhân viên	Khoa Cấp Cứu	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
80	Huỳnh Thị Thu Trà	03.10.1996		x	Nhân viên	Khoa KSNK-DD	6 năm 0 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
81	Mai Thị Thanh Linh	05.11.1996		x	Nhân viên	Nội Tim Mạch - Lão Học	4 năm 3 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B1	CC BD CDNN Điều Dưỡng	GPHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
82	Phan Ngọc Lượng	10.07.1996	x		Nhân viên	Khoa Dịch vụ y tế theo yêu cầu	4 năm 3 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	
83	Đỗ Nguyễn Thị Phương Thảo	20/07/1990		x	Nhân viên	Khoa Gây mê hồi sức	13 năm 4 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UDCNTT CB	Anh A2	CC b/d CDNN điều dưỡng (hạng III)	CCHN	x	Hoàn thành tốt	V.08.05.12	
84	Đỗ Thị Cẩm Mai	06/01/1991		x	Nhân viên	Khoa Gây mê hồi sức	6 năm 9 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UDCNTT CB	Anh B	CC b/d CDNN điều dưỡng (hạng III)	CCHN	x	Hoàn thành tốt	V.08.05.12	
85	Nguyễn Thị Thu Lụa	21/01/1995		x	Nhân viên	Khoa Gây mê hồi sức	6 năm 9 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UDCNTT CB	Anh B	CC b/d CDNN điều dưỡng (hạng III)	CCHN	x	Hoàn thành tốt	V.08.05.12	
86	Tôn Trọng Tín	02/09/1995		x	Nhân viên	Khoa Gây mê hồi sức	6 năm 0 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	UDCNTT CB	Anh B	CC b/d CDNN điều dưỡng (hạng III)	CCHN	x	Hoàn thành tốt	V.08.05.12	
Được sĩ (hạng III) Mã số: V.08.08.22																		
1	Trần Thị Xuân An	15.04.1989		x	Nhân viên	Khoa Dược	13 năm 4 tháng	3,34	V.08.08.23	Dược sĩ đại học	Tin B	Tiếng Anh B	BD CDNN Dược	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.08.22	
2	Nguyễn Thị Lam Tuyền	15.07.1987		x	Nhân viên	Khoa Dược	13 năm 0 tháng	3,03	V.08.08.23	Dược sĩ đại học	Tin B	Tiếng Anh B	BD CDNN Dược	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.08.22	
Kỹ thuật y hạng III (XN)- Mã số: V.08.07.18																		
1	Nguyễn Minh Kính	30.07.1989	x		Nhân viên	Khoa Hoá sinh-Vi sinh	13 năm 4 tháng	3,34	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin A	Anh A	CC BD CDNN Kỹ thuật Y	CCHN	x	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18	Có Quyết định Sở Y tế cử đi học

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Khoa, phòng, tt đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình nghiên cứu khoa học	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025	Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ BD CDNN)	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ/giấy phép hành nghề)				
2	Huỳnh Đăng Thanh Mẫn	11.09.1989	x		Nhân viên	Khoa Giải phẫu bệnh	7 năm 11 tháng	3,03	V.08.07.19	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	Tin A	Chứng nhận Tiếng Anh B1	CC BD CDNN Kỹ thuật Y	CCHN		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18	
3	Ngô Ngọc Khánh Huyền	30.09.1994		x	Nhân viên	Khoa Hoá sinh-Vi sinh	7 năm 11 tháng	3,03	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
4	Đình Nguyễn Minh	05.11.1986	x		Nhân viên	Khoa Giải phẫu bệnh	13 năm 11 tháng	3,34	V.08.07.19	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	Tin A	Chứng nhận Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y	CCHN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
5	Mai Thị Như Hà	17.03.1988		x	Nhân viên	Khoa HH - TM	13 năm 3 tháng	3,03	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y	CCHN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
6	Nguyễn Thị Kim Tứ	10.12.1988		x	Nhân viên	Khoa HH - TM	13 năm 4 tháng	3,03	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin A	A	CC BD CDNN Kỹ thuật Y	CCHN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
7	Bùi Thị Thanh Hằng	05.04.1987		x	Nhân viên	Khoa HH - TM	6 năm 9 tháng	3,03	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y	CCHN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
8	Lê Thị Thu Hằng	30.11.1989		x	Nhân viên	Khoa HH - TM	7 năm 11 tháng	3,03	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y	CCHN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
9	Nguyễn Thị Hồng Linh	15.04.1991		x	Nhân viên	Khoa Hoá sinh-Vi sinh	7 năm 11 tháng	3,34	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin A	Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
10	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	21.09.1991		x	Nhân viên	Khoa HH - TM	7 năm 11 tháng	3,34	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y	CCHN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
11	Võ Thị Diễm	17.10.1993		x	Nhân viên	Khoa HH - TM	6 năm 3 tháng	2,41	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y	CCHN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
12	Nguyễn Thị Thùy Dung	17.07.1994		x	Nhân viên	Khoa Hoá sinh-Vi sinh	7 năm 11 tháng	2,72	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
13	Nguyễn Thị Hồng Diễm	24.06.1995		x	Nhân viên	Khoa HH - TM	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y	CCHN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
14	Đặng Ngọc Cả	12.01.1997	x		Nhân viên	Khoa Hoá sinh-Vi sinh	6 năm 0 tháng	2,72	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	UD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
15	Nguyễn Thị Hồng Lợi	20.10.1984		x	Nhân viên	Khoa Hoá sinh-Vi sinh	13 năm 4 tháng	3,34	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
16	Nguyễn Thị Huệ	01.03.1989		x	Nhân viên	Khoa Hoá sinh-Vi sinh	13 năm 4 tháng	3,03	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin A	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Khoa, phòng, tt đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình nghiên cứu khoa học	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025	Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ BD CDNN)	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ/giấy phép hành nghề)				
17	Lê Thị Mỹ Kiều	18.10.1990		x	Nhân viên	Khoa Hoá sinh-Vi sinh	7 năm 11 tháng	3,03	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
18	Nguyễn Thị Hồng Phương	02.03.1992		x	Nhân viên	Khoa Hoá sinh-Vi sinh	5 năm 9 tháng	2,41	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin A	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
19	Biện Thị Ngọc Ngà	22.02.1995		x	Nhân viên	Khoa Hoá sinh-Vi sinh	6 năm 9 tháng	2,72	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
20	Phạm Thị Thắm	03.08.1995		x	Nhân viên	Khoa Hoá sinh-Vi sinh	6 năm 9 tháng	2,72	V.08.07.19	CN Xét nghiệm	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
Kỹ thuật y hạng III (VLTL-PHCN)- Mã số: V.08.07.18																		
1	Phạm Thị Thanh Trúc	24.11.1994		x	Nhân viên	Khoa VLTL-PHCN	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.07.19	Cử nhân VLTL	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
2	Trần Phi Thương	29.11.1990	x		Nhân viên	Khoa VLTL-PHCN	6 năm 3 tháng	2,41	V.08.07.19	Cử nhân VLTL	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
3	Nguyễn Thị Tuyết Sương	22.01.1994		x	Nhân viên	Khoa VLTL-PHCN	7 năm 4 tháng	2,72	V.08.07.19	Cử nhân VLTL	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
Kỹ thuật y hạng III (CDHA)- Mã số: V.08.07.18																		
1	Nguyễn Phi Toàn	17.07.1987	x		Nhân viên	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	14 năm 3 tháng	3,34	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Tin A	Anh văn B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y	GPHN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18	Có Quyết định Sở Y tế cử đi học	
2	Nguyễn Anh Tân	05.08.1991	x		Nhân viên	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	7 năm 11 tháng	3,34	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y	CCHN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
3	Nguyễn Ngọc Nam	10.08.1991	x		Nhân viên	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	7 năm 11 tháng	2,72	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	ƯD CNTT CB	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Kỹ thuật Y	CCHN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.07.18		
Kế toán viên hạng III - Mã số: V.06.031																		
1	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	28.5.1985		x	Phó trưởng phòng	Phòng TCHC	18 năm 0 tháng	3,65	V.06.032	Cử nhân Kế toán	Tin B	Tiếng Anh B	Bồi dưỡng ngạch kế toán viên	X	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.06.031		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Khoa, phòng, tt đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét					Có đề án, công trình nghiên cứu khoa học	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025	Mã số chức danh nghề nghiệp dự xét	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ BD CDNN)	Trình độ quản lý nghề nghiệp (Chứng chỉ/giấy phép hành nghề)				
2	Nguyễn Thị Xuân Loan	18.07.1981		x	Nhân viên	Phòng TCKT	18 năm 1 tháng	3,65	V.06.032	Cử nhân kế toán	UD CNTT CB	chứng chỉ C	Bồi dưỡng ngạch kế toán viên		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.06.031		
3	Võ Thị Hương Trang	12.01.1973		x	Nhân viên	Phòng TCKT	18 năm 7 tháng	3,65	V.06.032	Cử nhân kế toán	Tin A	Chứng chỉ A	Bồi dưỡng ngạch kế toán viên		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.06.031		
4	Nguyễn Lê Tâm	26.10.1981		x	Nhân viên	Phòng TCKT	18 năm 1 tháng	3,65	V.06.032	Cử nhân kế toán	Tin B	Chứng chỉ A	Bồi dưỡng ngạch kế toán viên		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.06.031		
Kỹ sư (hạng III) - Mã số: V.05.02.07																		
1	Nguyễn Tấn Khương	10.06.1979	x		Nhân viên	Phòng VTTB-YT	13 năm 8 tháng	3,65	V.05.02.08	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung cấp	Anh C	Chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh công nghệ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.05.02.07		
Trung tâm bảo vệ sức khỏe cán bộ (Điều dưỡng hạng III - Mã số: V.08.05.12)																		
1	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02.11.1970		x	Nhân viên	Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ	26 năm 7 tháng	4,58	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Tin B	Tiếng Anh B	CC BD CDNN Điều Dưỡng	CCHN	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	V.08.05.12	QĐ cử đi học	

PHÒNG TC-HC

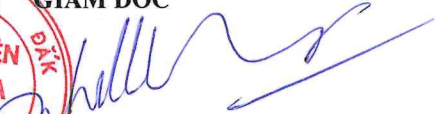


Lê Kim Tuyền

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 5 năm 2026



GIÁM ĐỐC



Trần Anh Dũng